

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/ 11 /2021

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Chức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Ngọc Khánh và ông Y Dthieu H mok.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Hoàng K, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn B 2, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn B 2, xã B, thị xã Bu, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa Nguyên đơn Anh Đinh Hoàng K trình bày:* Tôi và cô Chu Thị H tự nguyện sống chung với nhau cho đến ngày 07/5/2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 7 năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống cô H không chung thủy dẫn đến nhiều bất hoà, thường xuyên cãi vã đến đỉnh điểm không thể hoà giải được. Từ khi đăng ký

kết hôn cô H ở trọ tại B lâu lâu mới về nhà nên tình cảm của chúng tôi dần phai nhạt. Chúng tôi đã sống ly thân từ cuối tháng 7 năm 2019 cho đến nay, mặc dù lâu lâu cô H có trở về nhà nhưng mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chúng tôi không thể đoàn tụ được. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với cô H, tôi yêu cầu Toà án nhân dân thị xã B giải quyết cho tôi được ly hôn với cô H. Khi gửi đơn xin ly hôn, tôi cũng đã thông báo qua điện thoại cho cô H biết, cô H cũng có nguyện vọng ly hôn để giải thoát cho cả hai. Vì vậy, tôi yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn cho chúng tôi.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung tên Đinh Chu Khánh A, sinh ngày 26/3/2018. Hiện nay cháu A đang sống cùng với mẹ. Do cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên tôi có nguyện vọng giao cháu A cho mẹ cháu nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tôi và cô H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi và cô H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Chu Thị H mặc dù đã được toà án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và triệu tập nhiều lần đến toà giải quyết vụ án nhưng chị H cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh K, nên toà án giải quyết vắng mặt chị H theo luật định.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn cố tình trốn tránh trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án, anh K và chị H tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. đến khoảng tháng 7 năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho anh K được ly hôn với chị H. Về con chung: hiện nay đang ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của anh K giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48 Bộ Luật tố tụng dân sự.

-[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Chu Thị H mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng, đã biết được việc khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của anh K và đã triệu tập chị H nhiều lần đến toà giải quyết vụ án nhưng chị H vắng mặt không có lý do, chị H đồng ý ly hôn nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh K bằng văn bản, nên không thể hoà giải đoàn tụ được theo quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt lần thứ hai, việc vắng mặt của chị H là tự mình đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý của việc giải quyết vắng mặt quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Anh K và chị H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 7 năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của anh K là do trong thời gian chung sống chị H không chung thủy dẫn đến nhiều bất hoà, thường xuyên cãi vã và lâu lâu mới về nhà nên tình cảm dần phai nhạt. Xét yêu cầu ly hôn của anh K thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K để tạo điều kiện cho mỗi người có một cuộc sống khác phù hợp hơn quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh K chị H có 01 con chung tên Đinh Chu Khánh A, sinh ngày 26/3/2018. Hiện nay cháu A đang sống cùng với mẹ. Xét yêu cầu về con chung thì thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, đồng thời để con chung được nuôi dưỡng và phát triển về mọi mặt, do chị H vắng mặt, không có ý kiến về con chung, con chung hiện đang ở với mẹ, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh K giao con

chung Đinh Chu Khánh A, sinh ngày 26/3/2018 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung hiện nay chị H không có mặt và anh K không có yêu cầu nên chưa đặt ra để giải quyết, chị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, anh K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. .

[3.3] *Về tài sản và công nợ chung*: Anh K không yêu cầu giải quyết, còn chị H không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng:*

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Đinh Hoàng K.

-*Về hôn nhân*: Cho Anh Đinh Hoàng K được ly hôn với Chị Chu Thị H

-*Về con chung*: Giao con chung Đinh Chu Khánh A, sinh ngày 26/3/2018 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18). Về cấp dưỡng nuôi con chung hiện các bên chưa yêu cầu nên không đặt ra để xem xét. Anh K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Anh K không yêu cầu giải quyết, còn chị H không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Đinh Hoàng K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0007158 ngày 28/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx B;
- Chi cục THADS tx B;
- UBND x. B, tx B ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**HOÀNG MINH CHÚC**